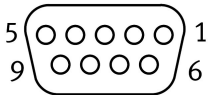


**Cáp động cơ**  
**NEBM-S1W9-E-1.5-Q5-LE6**  
 Số bộ phận: 1450736

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                    | Giá trị                   |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------|
| Tên cáp                                                     | không giá biển báo        |
| Cổng nối điện 1, chức năng                                  | Phía thiết bị hiện trường |
| Cổng nối điện 1, thiết kế                                   | góc                       |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối                               | Ổ cắm                     |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cáp                                 | được kê góc               |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối                          | Sub-D                     |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây                            | 9                         |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng                     | 6                         |
| Cổng nối điện 2, chức năng                                  | Phía điều khiển           |
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối                               | Cáp                       |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối                          | đầu mở                    |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây                                 | 6                         |
| Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng                     | 6                         |
| Dải điện áp hoạt động DC                                    | 0 V...72 V                |
| Điện áp hoạt động danh định DC                              | 24 V                      |
| Lớp bảo vệ                                                  | có                        |
| Chiều dài cáp                                               | 1.5 m                     |
| Đặc điểm dây dẫn                                            | thích hợp cho mảng xích   |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển               | 62 mm                     |
| Đường kính cáp                                              | 6.2 mm                    |
| Cấu tạo cáp                                                 | 6 x 0,34 mm <sup>2</sup>  |
| Mặt cắt danh định của dây dẫn                               | 0.34 mm <sup>2</sup>      |
| Đầu dây                                                     | Màng sông sắt             |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP65                      |
| Lưu ý về mức độ bảo vệ                                      | ở trạng thái lắp          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                              | -40 °C...80 °C            |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | -5 °C...80 °C             |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                         | theo chỉ thị RoHS của EU  |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                       | theo các quy định UK RoHS |
| Tuân thủ LABS                                               | VDMA24364-B2-L            |
| Ghi chú vật liệu                                            | Tuân thủ RoHS             |

| Đặc tính            | Giá trị    |
|---------------------|------------|
| Vật liệu vỏ bọc cáp | TPE-U(PUR) |
| Màu vỏ cáp          | xám        |